

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-25cm và cao hơn TBNN từ 30-50cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất ngày 18/5 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 25-30cm và cao hơn TBNN từ 45-65cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 18/5 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-30cm, phổ biến thấp hơn TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước lên chậm, đỉnh triều trạm Xẻo Rô trên BĐII là 02cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên theo triều trong ngày tới, sau giảm chậm
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước lên theo triều trong ngày tới, sau giảm chậm
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên nhanh trong ngày đầu, 3 ngày sau lên chậm.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên lại theo kỳ triều cường và đạt đỉnh vào ngày 19/05.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh ảnh hưởng đến cây trồng và nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

20/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	18/05		17/05						19/05	20/05	21/05	22/05	23/05
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	136	-1	▼	20	▲	36	▲	138	135	130	125	124
					Hmin	-29	-2	▼	4	▲	-23	▼	-31	-32	-33	-31	-28
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	148	6	▲	28	▲	50	▲	150	147	142	137	136
					Hmin	-47	-3	▼	0	◀▶	-11	▼	-48	-49	-50	-48	-45
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	134	4	▲	24	▲	31	▲	136	133	128	123	122
					Hmin	22	-1	▼	2	▲	-8	▼	19	18	17	19	22
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	155	5	▲	23	▲	51	▲	157	154	149	144	143
					Hmin	-35	-1	▼	-4	▼	-21	▼	-36	-37	-38	-36	-33
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	166	8	▲	26	▲	64	▲	168	165	160	155	154
					Hmin	-46	-2	▼	-3	▼	4	▲	-48	-49	-50	-48	-45
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	149	6	▲	24	▲	47	▲	151	148	143	138	137
					Hmin	-44	-3	▼	-1	▼	-16	▼	-45	-46	-47	-45	-42
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	36	4	▲	-20	▼	1	▲	40	44	48	50	45
					Hmin	5	5	▲	-21	▼	-4	▼	10	13	16	19	15
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	21	4	▲	-28	▼	-3	▼	33	38	42	44	39
					Hmin	15	3	▲	-24	▼	-4	▼	20	25	30	35	30
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	24	4	▲	-32	▼	-19	▼	34	39	43	45	40
					Hmin	15	3	▲	-32	▼	-20	▼	20	25	30	35	30
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	24	4	▲	-34	▼	-13	▼	36	41	45	47	42
					Hmin	18	3	▲	-31	▼	-10	▼	23	28	33	38	33
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	34	4	▲	-29	▼	-9	▼	44	49	53	55	50
					Hmin	27	2	▲	-26	▼	-7	▼	32	37	42	47	42
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	46	4	▲	-14	▼	10	▲	50	54	58	60	55
					Hmin	11	4	▲	-16	▼	-2	▼	16	19	22	25	21
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	60	6	▲	-12	▼	28	▲	64	68	72	74	69
					Hmin	40	2	▲	-11	▼	20	▲	45	48	51	54	50
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	42	4	▲	-23	▼	-1	▼	46	50	54	56	51
					Hmin	25	0	◀▶	-23	▼	-3	▼	32	35	38	41	37
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	38	4	▲	-8	▼	18	▲	42	46	50	52	47
					Hmin	27	1	▲	-5	▼	15	▲	34	37	40	43	39
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	79	4	▲	-8	▼	28	▲	83	87	91	93	88
					Hmin	57	3	▲	-5	▼	24	▲	64	67	70	73	69
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	109	6	▲	-1	▼	39	▲	113	117	121	123	118
					Hmin	51	5	▲	-5	▼	16	▲	56	59	62	65	61
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	74	3	▲	-7	▼	17	▲	78	82	86	88	83
					Hmin	43	4	▲	-8	▼	6	▲	48	51	54	57	53

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	55	4	▲	-13	▼	3	▲	59	63	67	69	64
					Hmin	37	1	▲	-10	▼	2	▲	44	47	50	53	49
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	38	4	▲	-11	▼	2	▲	42	46	50	52	47
					Hmin	27	3	▲	-9	▼	12	▲	34	37	40	43	39
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	21	6	▲	-11	▼	-12	▼	27	29	31	28	25
					Hmin	-9	-15	▼	-10	▼	18	▲	-12	-9	-6	-3	0
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	92	5	▲	45	▲	52	▲	93	88	73	63	53
					Hmin	-39	4	▲	1	▲	-1	▼	-45	-45	-39	-30	-27

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





